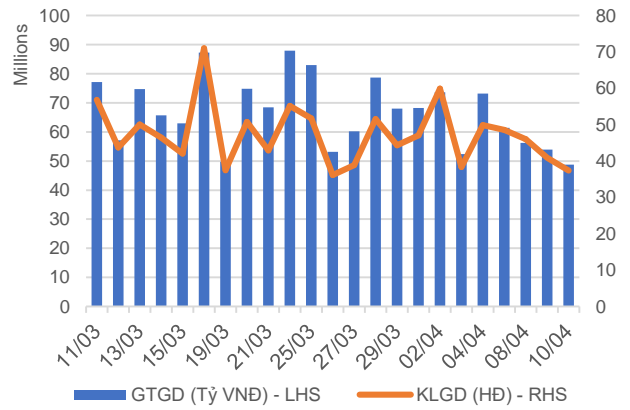
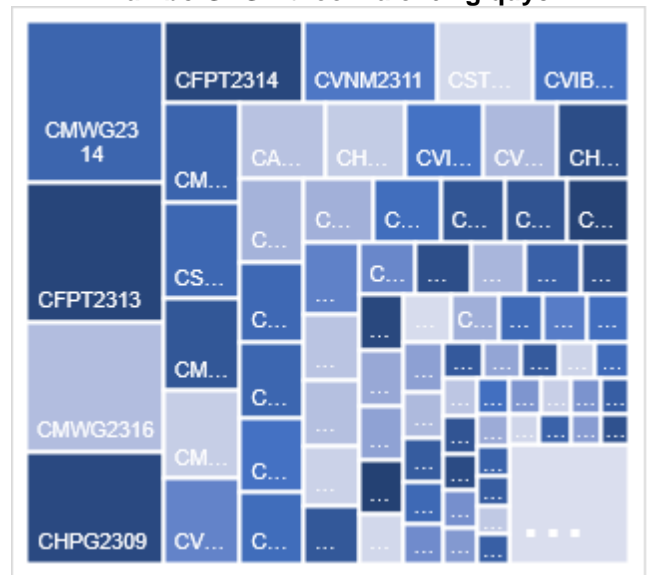


Áp lực chốt lời trên thị trường cơ sở quay trở lại trong phiên hôm nay khiến phần lớn các cổ phiếu cơ sở trong nhóm VN30 đóng cửa giảm điểm và kéo theo nhiều chứng quyền trên thị trường cùng giảm điểm. Thanh khoản của thị trường chứng quyền tiếp tục suy giảm so với phiên trước và các chứng quyền của HPG, MWG và STB vẫn là những mã được giao dịch tích cực nhất. Xu hướng ngắn hạn của các cổ phiếu cơ sở vẫn đang khá tiêu cực, do vậy, chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể tận dụng nhịp hồi của thị trường cơ sở để hạ tỷ trọng các chứng quyền đang nắm giữ.

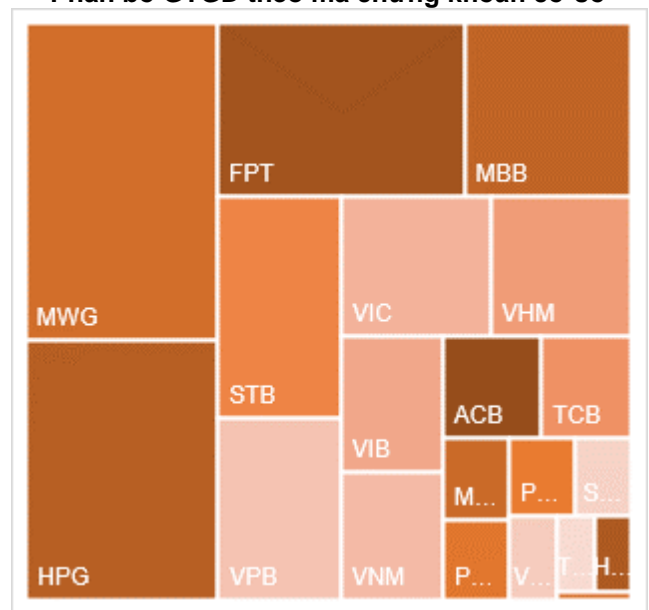
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền



Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	0.5%	2030	15,000	0.03	ITM	7.3%		168	50%
CACB2305	-1.1%	890	322,300	0.291	ITM	8.3%		182	45%
CACB2306	-1.0%	1930	393,100	0.774	ITM	2.5%		103	41%
CACB2307	-1.5%	650	23,300	0.015	ITM	6.6%		133	39%
CACB2401	-8.1%	1590	2,700	0.004	ITM	4.0%		70	40%
CFPT2305	0.2%	4660	1,700	0.007	ITM	-0.5%	2.47	7	0%
CFPT2309	2.6%	4320	14,200	0.063	ITM	0.4%	3.33	26	73%
CFPT2310	2.2%	4100	113,000	0.472	ITM	2.8%	3.43	117	50%
CFPT2313	9.4%	2210	1,059,200	2.287	ITM	7.3%	4.26	121	54%
CFPT2314	4.9%	2800	487,800	1.357	ITM	12.5%	3.18	274	50%
CFPT2315	0.0%	4120	-	0	ITM	-0.7%	3.45	14	0%
CFPT2316	3.4%	3380	126,900	0.43	ITM	1.8%	3.33	103	47%
CFPT2317	2.6%	1590	98,300	0.153	ITM	9.7%	3.71	225	44%
CFPT2318	9.7%	2600	1,500	0.003	ITM	5.3%	4.73	96	52%
CHDB2306	-3.1%	1550	197,000	0.303	ITM	3.3%	4.09	77	57%
CHPG2309	-0.5%	2080	864,500	1.821	ITM	2.0%	4.62	44	63%
CHPG2315	0.0%	1680	-	0	ITM	16.3%	3.16	75	111%
CHPG2316	-2.5%	1160	125,500	0.149	ITM	13.1%	4.01	166	51%
CHPG2319	0.0%	650	101,700	0.064	OTM	10.3%	5.90	77	50%
CHPG2321	0.0%	1740	6,000	0.01	ITM	0.2%	5.68	7	95%
CHPG2322	-1.3%	1520	28,800	0.045	OTM	11.4%	5.25	98	50%
CHPG2326	0.0%	700	908,500	0.657	ITM	2.2%	8.80	26	49%
CHPG2328	2.8%	1090	15,600	0.017	ITM	3.5%	9.60	26	51%
CHPG2329	-5.5%	1540	213,600	0.35	ITM	8.2%	5.92	117	38%
CHPG2331	0.0%	820	375,400	0.314	ITM	11.0%	4.08	182	46%
CHPG2332	0.0%	850	115,800	0.1	ITM	13.3%	3.80	215	47%
CHPG2333	-1.2%	840	562,400	0.475	ITM	14.8%	3.72	243	45%
CHPG2334	-1.4%	680	220,100	0.149	ITM	17.8%	3.35	274	48%
CHPG2336	-1.6%	620	226,800	0.149	ITM	3.2%	9.11	26	54%
CHPG2337	0.0%	900	-	0	OTM	12.2%	4.61	86	61%
CHPG2338	0.8%	1200	20,000	0.024	OTM	17.4%	3.51	180	57%
CHPG2339	1.2%	3510	36,700	0.129	OTM	25.6%	2.46	271	68%
CHPG2340	0.0%	1790	-	0	ITM	2.4%	5.51	14	117%
CHPG2341	-1.5%	1330	80,800	0.109	OTM	10.2%	6.01	103	43%
CHPG2342	-2.2%	900	815,600	0.732	ITM	11.3%	2.80	225	64%
CHPG2343	2.7%	1150	229,500	0.265	ITM	6.1%	6.05	65	50%
CHPG2401	-3.1%	630	500	0	OTM	10.9%	6.82	70	46%
CMBB2306	-0.2%	4230	110,200	0.481	ITM	1.4%	3.31	44	78%
CMBB2309	0.0%	1270	644,100	0.841	ITM	1.2%	4.67	26	75%
CMBB2311	2.0%	2540	10,100	0.026	ITM	1.2%	4.67	26	75%
CMBB2312	0.0%	2630	138,300	0.375	ITM	4.0%	4.07	117	47%
CMBB2314	-1.6%	1260	131,300	0.171	ITM	5.2%	4.10	121	50%
CMBB2315	0.6%	1620	101,500	0.164	ITM	11.3%	2.99	274	52%
CMBB2316	-1.4%	710	191,500	0.138	ITM	5.5%	3.35	26	169%
CMBB2317	-2.1%	940	840,700	0.81	ITM	3.8%	4.36	133	38%
CMBB2318	1.1%	1790	74,200	0.132	ITM	5.7%	3.10	166	58%
CMBB2401	6.3%	2370	31,400	0.071	ITM	3.9%	4.60	70	59%
CMSN2302	-3.7%	1810	111,000	0.207	ITM	6.0%	5.44	44	74%
CMSN2307	-12.5%	350	18,500	0.006	OTM	19.3%	4.97	77	53%
CMSN2311	-8.0%	460	228,900	0.11	OTM	27.1%	3.96	117	52%
CMSN2313	0.0%	950	136,100	0.128	OTM	23.4%	3.28	182	58%
CMSN2315	-5.9%	160	72,800	0.01	OTM	15.3%	4.01	26	65%
CMSN2316	0.0%	880	-	0	OTM	28.0%	2.89	180	61%
CMSN2317	-2.1%	1390	102,700	0.142	OTM	35.2%	2.42	271	61%
CMWG2305	-8.4%	4030	25,500	0.108	ITM	-0.7%	3.25	44	0%
CMWG2309	-20.9%	340	919,600	0.343	OTM	7.1%	11.43	26	47%
CMWG2310	-2.5%	1170	99,200	0.107	OTM	16.1%	4.28	117	57%

CMWG2312	-22.7%	340	318,600	0.113	OTM	9.7%	8.20	15	62%
CMWG2313	-11.3%	1180	725,100	0.917	ITM	9.8%	4.72	121	48%
CMWG2314	-6.5%	1000	2,490,300	2.625	ATM	19.2%	3.17	274	52%
CMWG2315	-13.3%	260	346,300	0.102	ITM	4.0%	7.74	26	67%
CMWG2316	-3.1%	1230	1,628,900	2.136	ITM	6.5%	4.99	135	38%
CMWG2317	7.4%	580	10,300	0.005	ITM	2.8%	11.03	14	62%
CMWG2318	-7.8%	1890	198,400	0.386	ITM	2.6%	4.11	103	42%
CNVL2305	-5.1%	1310	52,400	0.07	ITM	25.3%	2.67	77	156%
CPDR2305	-5.7%	2990	192,300	0.587	ITM	1.8%		77	76%
CPOW2306	0.0%	100	90,600	0.009	OTM	43.4%		77	61%
CPOW2308	0.0%	40	266,500	0.008	OTM	8.0%		7	86%
CPOW2309	-20.0%	40	136,600	0.005	OTM	29.0%		37	56%
CPOW2313	-5.7%	330	73,400	0.024	OTM	19.9%		86	55%
CPOW2314	-1.6%	600	372,500	0.234	OTM	26.6%		180	56%
CPOW2315	-2.4%	830	354,200	0.296	OTM	33.8%		271	59%
CSHB2302	-9.1%	200	83,600	0.016	OTM	10.7%		26	63%
CSHB2303	-3.7%	520	313,200	0.169	OTM	19.5%		85	67%
CSHB2304	0.0%	300	10,500	0.003	OTM	17.6%		86	77%
CSHB2305	0.0%	410	-	0	OTM	30.4%		180	79%
CSHB2306	-0.9%	1140	262,600	0.3	OTM	34.4%		271	71%
CSTB2306	-4.7%	820	1,009,000	0.887	OTM	8.7%	8.07	44	50%
CSTB2312	-8.3%	220	4,000	0	OTM	18.3%	7.09	75	47%
CSTB2313	-2.5%	390	34,000	0.013	OTM	28.9%	4.44	166	50%
CSTB2316	25.0%	200	300	0	OTM	28.3%	4.11	77	58%
CSTB2318	-9.1%	200	61,800	0.013	OTM	12.7%	9.21	37	49%
CSTB2319	-3.8%	250	169,000	0.044	ITM	0.5%	12.27	7	59%
CSTB2322	4.3%	240	2,449,000	0.61	OTM	6.4%	12.50	26	45%
CSTB2324	-5.0%	190	33,400	0.007	OTM	9.1%	11.19	26	50%
CSTB2325	2.7%	760	2,000	0.001	OTM	18.7%	4.13	117	59%
CSTB2326	6.3%	170	40,000	0.007	OTM	14.6%	4.68	15	67%
CSTB2327	0.0%	400	208,900	0.085	OTM	18.2%	4.96	121	50%
CSTB2328	-2.0%	490	394,000	0.196	OTM	26.9%	3.47	274	50%
CSTB2330	-12.5%	70	216,600	0.015	OTM	17.8%	6.92	26	55%
CSTB2331	0.0%	200	593,300	0.119	OTM	23.7%	6.13	86	49%
CSTB2333	0.0%	1910	-	0	OTM	37.2%	2.76	271	58%
CSTB2334	0.0%	1640	59,100	0.098	ITM	9.7%	4.10	135	52%
CSTB2335	0.0%	340	-	0	OTM	10.0%	5.95	14	83%
CSTB2336	0.0%	210	105,100	0.022	OTM	10.1%	9.63	41	47%
CSTB2337	6.7%	1120	2,100	0.001	ITM	19.7%	2.56	225	74%
CSTB2338	0.0%	900	1,038,300	0.938	ITM	8.9%	6.06	65	53%
CSTB2401	0.0%	450	-	0	OTM	11.2%	8.86	70	40%
CTCB2302	-0.3%	6180	38,400	0.246	ITM	-0.2%	2.46	44	0%
CTCB2306	7.2%	3730	1,300	0.004	ITM	2.8%	3.06	26	145%
CTCB2307	1.5%	3400	1,100	0.003	ITM	4.3%	3.20	117	63%
CTCB2309	0.5%	4230	35,700	0.156	ITM	4.5%	3.27	168	47%
CTCB2310	0.6%	1640	317,100	0.534	ITM	5.4%	3.14	182	51%
CTCB2311	0.0%	4570	-	0	ITM	0.1%	3.33	14	75%
CTCB2312	1.5%	4650	13,500	0.062	ITM	2.0%	3.21	96	54%
CTCB2401	3.0%	6610	100	0	ITM	3.4%	3.39	70	77%
CTPB2304	6.7%	320	6,700	0.002	OTM	9.9%		26	83%
CTPB2305	-4.3%	450	90,100	0.04	OTM	15.2%		86	60%
CTPB2306	-1.4%	1440	183,000	0.26	OTM	24.1%		180	65%
CTPB2401	-5.0%	950	12,200	0.011	OTM	11.2%		70	60%
CVHM2302	17.6%	400	1,235,200	0.504	OTM	16.7%	4.43	44	59%
CVHM2307	30.0%	130	6,800	0	OTM	44.1%	0.61	77	67%
CVHM2311	6.3%	340	42,100	0.014	OTM	40.7%	1.66	117	59%
CVHM2312	-33.3%	40	142,300	0.006	OTM	27.1%	0.61	26	60%
CVHM2313	3.9%	530	458,100	0.241	OTM	25.1%	3.16	182	57%
CVHM2315	0.0%	100	143,600	0.007	OTM	16.9%	2.68	26	65%
CVHM2316	9.4%	350	50,400	0.017	OTM	22.2%	3.44	86	60%
CVHM2317	7.7%	560	908,200	0.524	OTM	28.6%	2.98	180	57%
CVHM2318	7.7%	1260	493,400	0.628	OTM	35.2%	2.41	271	59%

CVHM2319	0.0%	170	17,100	0.002	OTM	19.6%	0.21	14	98%
CVHM2401	5.6%	1330	199,400	0.262	ITM	9.3%	5.23	70	60%
CVIB2302	1.1%	2820	47,100	0.139	ITM	1.2%		44	50%
CVIB2304	-3.0%	1300	25,300	0.033	ITM	7.0%		121	58%
CVIB2305	-2.4%	810	1,134,000	0.934	ITM	14.0%		274	46%
CVIB2306	2.6%	3910	105,600	0.419	ITM	5.3%		135	70%
CVIB2307	0.0%	1250	20,000	0.025	ITM	13.5%		133	73%
CVIB2401	-0.9%	2180	3,000	0.006	ITM	7.6%		70	73%
CVIC2306	0.0%	430	-	0	OTM	35.4%	0.71	77	85%
CVIC2308	10.6%	520	1,105,200	0.564	OTM	13.8%	4.69	121	50%
CVIC2309	13.2%	600	1,215,000	0.712	OTM	19.6%	3.72	182	51%
CVIC2312	13.5%	420	176,900	0.07	OTM	16.6%	4.13	86	59%
CVIC2313	6.6%	650	560,700	0.348	OTM	23.6%	3.04	180	59%
CVIC2314	5.5%	1930	363,800	0.681	OTM	32.4%	2.16	271	68%
CVNM2306	-2.4%	400	31,500	0.012	OTM	13.0%	6.16	77	45%
CVNM2308	-2.6%	370	90,100	0.032	OTM	5.6%	10.74	26	48%
CVNM2310	3.0%	340	169,700	0.053	OTM	22.4%	4.45	121	45%
CVNM2311	-3.2%	610	2,160,400	1.293	OTM	26.3%	4.05	274	40%
CVNM2313	0.0%	50	35,200	0.001	OTM	23.9%	0.36	26	63%
CVNM2314	-1.8%	560	106,200	0.058	OTM	34.0%	2.56	180	52%
CVNM2315	0.0%	2000	-	0	OTM	#####	0.00	271	500%
CVNM2316	0.0%	650	-	0	ITM	4.9%	8.68	14	97%
CVPB2305	6.7%	800	292,800	0.242	ITM	0.5%	8.41	7	81%
CVPB2309	0.0%	70	1,186,800	0.09	OTM	12.2%	13.31	26	47%
CVPB2311	-2.0%	490	28,700	0.014	OTM	5.8%	10.27	26	51%
CVPB2312	0.0%	900	482,200	0.468	OTM	12.3%	5.81	117	43%
CVPB2314	0.0%	230	3,055,400	0.774	OTM	22.8%	6.68	121	44%
CVPB2315	3.1%	330	1,100,900	0.363	OTM	30.4%	4.15	274	45%
CVPB2316	0.0%	90	20,300	0.001	OTM	17.8%	4.12	26	71%
CVPB2317	4.3%	240	164,400	0.041	OTM	22.9%	5.24	86	54%
CVPB2318	-2.2%	440	470,300	0.216	OTM	29.7%	3.84	180	54%
CVPB2319	10.0%	1650	11,000	0.018	OTM	40.0%	2.31	271	67%
CVPB2320	-13.6%	190	600	0	OTM	11.2%	5.60	14	80%
CVPB2321	6.4%	500	315,000	0.158	ITM	11.1%	3.80	133	59%
CVPB2322	11.3%	590	196,900	0.108	OTM	15.6%	4.42	166	48%
CVRE2303	-1.9%	530	344,000	0.18	OTM	9.6%	6.91	44	57%
CVRE2308	13.3%	340	100	0	OTM	36.2%	1.42	77	86%
CVRE2312	-9.1%	100	211,100	0.02	OTM	15.1%	7.12	26	57%
CVRE2313	-7.9%	350	115,300	0.037	OTM	27.4%	4.15	117	55%
CVRE2315	0.0%	290	335,800	0.094	OTM	33.3%	3.08	182	59%
CVRE2317	25.0%	50	153,500	0.008	OTM	24.5%	2.09	26	66%
CVRE2318	4.3%	240	72,000	0.016	OTM	31.8%	3.21	86	61%
CVRE2319	2.6%	400	154,500	0.058	OTM	37.6%	3.39	180	55%
CVRE2320	0.0%	1450	-	0	OTM	45.3%	2.36	271	61%
CVRE2321	-16.7%	150	80,300	0.012	OTM	22.1%	0.30	14	115%
CVRE2322	7.1%	1200	9,100	0.01	ITM	13.8%	3.95	103	67%
CVRE2323	-2.8%	700	16,400	0.011	OTM	10.9%	5.76	65	56%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
 Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
 Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

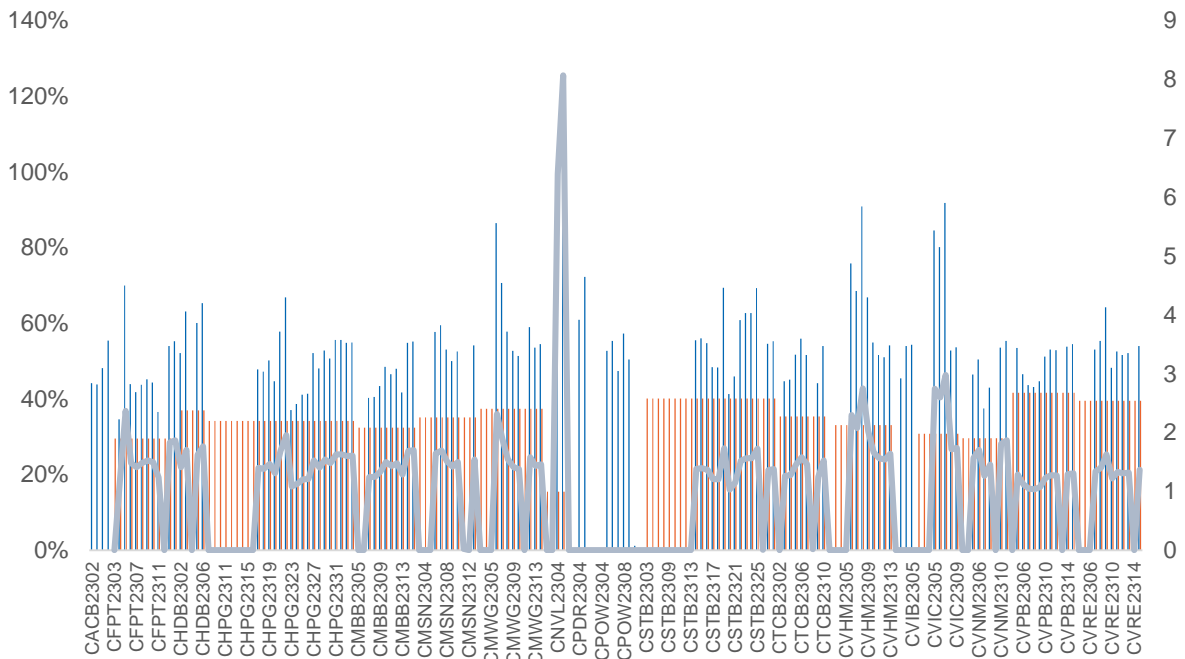


BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		70.30	GIẢM	TĂNG			74.40	-
DPM		34.70	GIẢM	TĂNG			36.60	-
FPT	99.90	113.80	TĂNG	TĂNG	111.89	-2%	112.00	(0.99)
HDB	23.90	23.95	TĂNG	TĂNG	25.77	8%	23.03	2.14
HPG		29.65	GIẢM	TĂNG			30.64	-
MBB		23.80	GIẢM	TĂNG			24.73	-
MSN		72.50	GIẢM	TĂNG			76.41	-
MWG	49.10	52.00	TĂNG	TĂNG	55.64	7%	48.86	27.28
NVL	17.10	17.75	TĂNG	TĂNG	19.47	10%	17.24	(16.76)
PNJ		100.60	GIẢM	TĂNG			100.63	-
REE	58.30	62.60	TĂNG	TĂNG	66.51	6%	61.56	(2.52)
STB		29.10	GIẢM	TĂNG			30.47	-
TCB	42.30	45.65	TĂNG	TĂNG	45.77	0%	44.97	(1.30)
VHM	44.20	44.20	TĂNG	GIẢM	47.35	7%	42.40	1.75
VIC	47.00	48.50	TĂNG	TĂNG	53.39	10%	46.32	9.45
VJC		102.00	GIẢM	TĂNG			104.08	-
VNM		66.80	GIẢM	GIẢM			68.80	-
VPB	19.60	19.35	TĂNG	GIẢM	22.90	18%	18.79	4.08
VRE		24.25	GIẢM	TĂNG			25.62	-

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024
CHPG2401	VCI	#N/A	3	1,150	#N/A	31,000	17/06/2024
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMBB2401	VCI	#N/A	2	1,060	#N/A	20,000	17/06/2024
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	ACBS	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	ACBS	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024

CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	ACBS	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	CK VPBank	#N/A	3	2,100	#N/A	29,000	12/06/2024
CSTB2401	VCI	#N/A	3	1,150	#N/A	31,000	17/06/2024
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024
CTCB2312	CK VPBank	#N/A	3	2,500	#N/A	32,600	11/07/2024
CTCB2401	VCI	#N/A	2	1,800	#N/A	34,000	17/06/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CTPB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	18,500	17/06/2024
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVHM2401	VCI	#N/A	4	1,100	#N/A	43,000	17/06/2024
CVIB2302	ACBS	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	ACBS	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIB2401	VCI	#N/A	1.9439	1,150	#N/A	20,411	17/06/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024

CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.4907	1,300	2,000,000	71,707	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.8398	1,800	5,000,000	67,619	03/05/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.7998	1,700	14,000,000	78,398	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.7998	2,200	12,000,000	78,398	07/01/2025
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.7998	1,100	3,000,000	82,298	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.8398	1,600	3,000,000	85,148	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	39199	4,400	3,000,000	87,108	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.7998	1,700	3,000,000	63,698	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	ACBS	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2312	HCM	9 tháng	4	1,600	5,000,000	27,500	03/05/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024

CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.